

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Duy Hiếu

2/ Ông Tô Hiền Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021, G các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1999;

Địa chỉ: ấp 4, xã Vĩnh V, huyện Long M, tỉnh Hậu G.

Chỗ ở: Tổ 2, ấp G, xã TA P, huyện Củ C, T phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Anh Trương Vũ B - sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 30, ấp Trường A, xã Trường Đ, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh B chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian vợ chồng sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần hai bên gia đình khuyên can hòa giải nhưng không tìm được hướng giải quyết, dẫn đến vợ chồng sống ly th hơn một năm nay, anh B không quan tâm đến vợ con nữa, nay hàn gắn không được nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Nguyễn Minh H - sinh năm 2019, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, không nợ chung.

*Tại lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2021 bị đơn anh Trương Vũ B trình bày:* Anh và chị H chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dA xã Trường Đ, thị xã Hòa T. Vợ chồng sống chung đến năm 2020 thì bất đồng quan điểm xảy ra mâu thuẫn, nay anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung Trương Nguyễn Minh H – sinh năm 2019, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi con, cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án.

Về tài sản chung: Không có, nợ chung không.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nH dA thị xã Hòa T phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều B đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nH và gia đình 2014, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Con chung giao cho nguyên đơn nuôi con, ghi nhận không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết; án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, anh Trương Vũ B là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dA sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nH: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Vũ B chung sống với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nH dA xã Trường Đ, huyện Hòa T (nay là thị xã Hòa T), tỉnh Tây N, nên đây là hôn nH hợp pháp được pháp luật B vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung hạnh Pc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị H thì hiện nay chị về nhà cha mẹ ruột ở huyện Long M, tỉnh Hậu G sống và đi làm ở xã TA P, huyện Củ C, T phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống ly tH trên một năm nay. Anh B xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hòa hợp bất đồng ý kiến, hiện tại anh đang đi làm ăn xa, anh đồng ý ly hôn. Do đó, G chị H và anh B không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Nguyễn Minh H – sinh ngày 28/02/2019, chị H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ý kiến của anh B đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án. Thấy rằng, cháu H hiện đang sống chung với chị H, cháu H còn nhỏ nên cần giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu

cầu cấp dưỡng, nên cần ghi nhận. Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nH dA thị xã Hòa T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dA sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 , 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nH và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhận: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trương Vũ B.

Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Vũ B được ly hôn.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Nguyễn Minh H – sinh ngày 28/02/2019. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

**3.** Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hoA nhaA sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo bicA lai thu số 0020429 ngày 24/11/2021 của C cục Thi hành án daA sự thị xã Hòa Thành, chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nH sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nH dA tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.



